

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LT1
TỈNH BN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:01/2020/HS - ST
Ngày: 16-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT1, TỈNH BN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Quốc

Ông Vũ Văn Vừng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Đình Giáp - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT1 tham gia phiên tòa:

Bà Đoàn Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT1, Tòa án nhân dân huyện LT1 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2019/TLST – HS ngày 19 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST – HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

PHẠM THUẦN C, Sinh năm: 1965

Nơi sinh: Thôn KQ, xã KG, huyện C Giàng, tỉnh HD

HKTT: Thôn DD, xã C Hưng, huyện C Giàng, tỉnh HD;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông: Phạm Thuần Tuyên (liệt sỹ) và bà Bùi Thị Huân; Có vợ: Vũ Thị Sáu (đã ly hôn) và 02 con; Tiền án Tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2019 đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn ĐS, TT, huyện LT1, tỉnh BN

Có mặt tại phiên tòa

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Phạm Thuần T1, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn DD, xã C Hưng, huyện C Giàng, tỉnh HD

Có mặt tại phiên tòa

2. Bà Lương Thị T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn KT, xã LT, huyện LT1, tỉnh BN

Có mặt tại phiên tòa

3. Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn KT, xã LT, huyện LT1, tỉnh BN.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ tình cảm yêu đương với bà Lương Thị T nên khoảng 21h30' ngày 26/7/2019, Phạm Thuần C đang gọi điện nói chuyện với bà T thì ông Nguyễn Văn T đi mô tô đến nhà bà T chơi. Nghe thấy T1g chó sủa, C hỏi bà T “ai đấy”, bà T nói không biết ai phải ra xem ai mới biết rồi tắt máy. Bà T ra ngoài cổng thấy ông T ngồi trên xe mô tô bánh trước đâm vào cánh cổng và nói to T1g. Thấy ồn ào ở bên ngoài thì ông Nguyễn Đăng Chúc là hàng xóm của bà T ra bảo với ông T “mày đến quấy nhiễu vừa thôi, để cho bố còn nghỉ”. Do vừa uống rượu xong, ông T nói “T đây, ai làm gì được T”. Ông T nói với bà T “không mở cửa đi à”, bà T gọi con trai là Nguyễn Đức N lấy chìa khóa để mở cổng cho ông T vào nhà. Ông T vào nhà ngồi nói chuyện với bà T ở trên ghế, còn N lên giường chơi điện tử. Đến khoảng 22h cùng ngày, không thấy bà T gọi điện lại nên C đi xe mô tô ViVa BKS 23H2 – 9879 từ cánh đồng thôn DD xuống nhà bà T xem tình hình thế nào. Khi đến chợ thôn KT, C rẽ ra chợ phía sau đình làng thôn KT đỗ xe trong ngõ nhìn ra đình làng. Được một lúc thì C đi bộ ra khu vực bờ hồ thôn KT đứng lách và nhìn sang phía cổng nhà bà T cách khoảng 25m để quan sát. Đến khoảng 22h40' C gọi điện hỏi bà T xem có việc gì thì bà T trả lời là “Thằng T say rượu xuống quấy nhiễu”, C bảo T báo công an thì T nói “gọi anh Cường công an xã rồi nhưng anh Cường không có nhà”. Do C đã gặp ông T ở nhà bà T 3 lần trước đó và đã xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nên C bảo T đuổi T về. Vì bức tức nên C tìm gạch

mục đích để đợi khi nào ông T ra khỏi nhà T thì đuổi theo đánh ông T nhằm mục đích đe dọa, cảnh cáo ông T không cho T xuống nhà bà T nữa. C đi dọc ngõ chợ tìm thấy ½ viên gạch đặc để trên bàn bán hàng ở phía góc chợ gần cổng sau đình KT. C cho viên gạch vừa nhặt được vào trong túi nilon C nhặt được dưới đường rồi treo vào móc treo hàng bên phải xe máy và tiếp tục đứng ở bên ngoài bờ hồ quan sát cổng nhà bà T.

Do ông T có biểu hiện say rượu và không chịu về nên bà T bỏ sang khu vực chùa KT không nói chuyện với ông T nữa. Ông T thấy bà T ra ngoài liền bắt N gọi bà T về nhưng N không đi. Một lúc sau thì bà T về nhà, ông T nói với bà T “mày rúc ở đâu về đấy, mày trèo tường lồi nào vào đây” và bắt bà T ra ghế ngồi nói chuyện tiếp nhưng bà T không ra và ngồi ở giường của N. N nói ông T về vì đã khuya nhưng ông T không về. Thấy vậy nên N đi bộ sang nhà ông Phạm Hùng Cường là công an viên xã LT để nhờ ông Cường đến giải quyết. Khi ông Cường đến và yêu cầu ông T về thì ông T nói “em biết anh rồi, em xin phép anh cho em nói chuyện 5 phút rồi về”. Đến khoảng 23h50’ ông Cường đi bộ cầm đèn pin từ nhà chị T ra trước, ông T dắt xe máy theo sau và chào ông Cường đi về. Ông T nổ máy đi qua cổng đình thôn KT về phía nhà văn hóa thôn KT. C đứng ngoài quan sát thấy ông T đi về thì C nổ máy xe mô tô, tắt đèn pha để tránh bị phát hiện đuổi theo ông T. C đuổi theo ông T đến đoạn đường gần nhà văn hóa đang xây dựng thuộc thôn KT, xã LT, thấy ông T dừng xe đỗ bên phải đường (theo hướng đi của C) và đang sử dụng điện thoại. C tiếp tục đi xe mô tô cách ông T khoảng 3- 5m dùng tay phải cầm túi nilon đựng ½ viên gạch ném về phía ông T trúng vào thái dương vùng mắt bên trái của ông T. Do trời tối nên C chỉ nghe thấy T1g “bộp” 1 cái rồi tăng ga điều khiển xe mô tô về nhà. Sau khi ông T về thì bà T gọi điện cho C nhưng do đang đi trên đường nên C không nghe máy. Khi về đến nhà C thấy cuộc gọi nhỡ của bà T liền gọi lại, bà T hỏi C đang ở đâu? C nói đang ở nhà, do bà T không tin nên C gọi lại bằng zalo hình ảnh vào số của N con trai bà T có hình ảnh C mặc quần đùi, áo cộc nằm trên giường. Sau khi C gây thương tích cho ông T thì ông T được người dân phát hiện nằm bên lề đường đã gọi điện báo cho gia đình biết và đưa ông T đi bệnh viện cấp cứu. Đến sáng ngày 27/7/2019, bà T biết việc ông T phải đi viện cấp cứu, nghi ngờ C là người gây ra, bà T gọi điện hỏi C thì C

nói với bà T là C có đánh ông T nhưng không có bằng chứng thì không ai làm gì được. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, bà T tiếp tục gọi điện cho C là Công an sẽ gọi C lên làm việc và khuyên C khai báo, C dặn bà T khi lên làm việc với Công an không được trình bày nội dung trên và tìm cách che giấu sự việc. Đến ngày 29/7/2019, C nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, không thể trốn tránh nên C đã đến Công an huyện LT1 đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập hồ sơ bệnh án của ông Nguyễn Văn T và trưng cầu giám định tỷ lệ thương tích của ông T làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại bản tóm tắt hồ sơ bệnh án số: 2567 ngày 16/9/2019 của Bệnh viện Trung Ương Quân đội 108 kết luận: Ông Nguyễn Văn T bị *"Chấn thương sọ não nặng: Vỡ xương sọ, dập não, máu tụ dưới màng cứng lớn thái dương đỉnh trái"*.

Tại kết luận giám định số: 4338 ngày 05/8/2019 của viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Ông Nguyễn Văn T bị chấn thương vùng đầu, mặt đang được điều trị. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn T cụ thể như sau:

- Diện rách da, sây sát da vùng trán - đỉnh trái chưa liền: 02%;
- Vết mổ vùng trán - đỉnh - thái dương trái kích thước lớn chưa liền: 08%;
- Vỡ lún xương sọ vùng trán trái: 08%
- Vỡ cung tiếp gò má trái: 08%

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích quy định tại Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn T tại thời điểm giám định là 24%. (Hai mươi bốn phần trăm)

Các tổn thương của anh T do vật tày gây nên.

** Do anh Nguyễn Văn T đang nằm điều trị tích cực ở bệnh viện nên chưa xác định được các tổn thương khác.*

Sau khi ông T điều trị ổn định, ngày 08/10/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện LT1 đã trưng cầu giám định bổ sung đối với thương tích của ông T.

Tại kết luận giám định số: 5966/C09 - TT1 ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Văn T qua giám định ngày 30/7/2019 và giám định bổ sung như sau:

- Sẹo vùng trán - đỉnh trái: 02%.
- Sẹo mổ vùng trán - đỉnh - thái dương trái kích thước lớn: 08%.

- *Vỡ xương sọ - mắt bên trái đã phẫu thuật để lại diện khuyết xương sọ bên trái kích thước 87 x 122 mm, đáy phập phồng: 41%*

- *Tổn thương não gây liệt nhẹ nửa người bên phải kèm liệt dây VII trung ương bên phải nhẹ, sụp nhẹ mí mắt trái: 40%.*

- *Tổn thương dây thần kinh thị giác bên trái do chấn thương gây mù mắt trái: 41%*

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích quy định tại Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ y tế xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn T sau giám định bổ sung là 81% (Tám mươi một phần trăm).

Vật chứng thu giữ: Quá trình khám nghiệm hiện trường tại lễ đường hướng đi từ thôn KT, xã LT, huyện LT1 đến tỉnh lộ 280, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện LT1 đã thu giữ 01 xe mô tô Dream nhãn hiệu Honda BKS: 99K1 - 212.55 tại vị trí yên xe có bám chất màu nâu; 01 khăn dính chất màu nâu; mẫu chất màu nâu tại vị trí xe đổ; 1/2 viên gạch có bám dính chất màu nâu cách trực trước xe là 1,08m.

Sau khi thu giữ những đồ vật, tài sản trên, ngày 30/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện LT1 đã ra quyết định trưng cầu giám định dấu vết chất màu nâu đã thu giữ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại bản kết luận giám định số: 75/KLGĐM - PC09 ngày 22/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh BN kết luận: "*Mẫu dấu vết màu nâu thu trên xe máy BKS: 99K1 - 212.55, dính trên cát thu tại hiện trường và dính trên 1/2 viên gạch thu tại hiện trường là máu người. Cùng thuộc nhóm máu O*".

Quá trình khám xét chỗ ở của C, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã T1 hành thu giữ những đồ vật, tài sản sau: 01 quần dài bằng vải màu đen; 01 áo sơ mi dài tay màu tím than, 01 áo ba lỗ màu trắng, 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu xám; 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen; 01 đôi dép cao su màu đen; 01 đôi dép da màu nâu để làm căn cứ xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6 màu bạc, 01 xe mô tô nhãn hiệu Viva SuZuki màu xanh BKS: 23H2 - 9879 của C; 01 chiếc quần dài màu ghi xám ông T mặc ngày 26/7/2019; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OppoA37F của ông T; 01 điện thoại Nokia 105 của chị T; 01 điện thoại I phone 5 của N.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn T1 hành cho C thực nghiệm điều tra, kết quả thực nghiệm điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo. Ngoài ra Cơ quan điều tra Công an huyện còn T1 hành trích sao hình ảnh của 06 chiếc camera được lắp đặt tại 06 hộ dân trên trục đường từ khu vực đình thôn KT đến nhà văn hóa thôn KT. Sau khi được xem lại dữ liệu hình ảnh, C đã khẳng định đó chính là

minh. Dữ liệu hình ảnh đã được chuyển hóa vào 06 chiếc USB được niêm phong và lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

Đại diện gia đình ông Nguyễn Văn T yêu cầu C bồi thường cho gia đình ông T số tiền 236.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi sáu triệu đồng*) bao gồm:

- Tiền thuê phương tiện đưa ông T đi cấp cứu từ LT1 đến bệnh viện Trung ương quân đội 108: 1.000.000 đồng.

- Tiền thuê phương tiện đưa ông T đi và về từ bệnh viện Trung ương quân đội 108 về bệnh viện y học cổ truyền tỉnh BN và ngược lại; từ bệnh viện y học cổ truyền tỉnh BN về nhà, tiền đưa ông T đi giám định, tiền thuê phương tiện đi cấy não cho ông T ở Bệnh viện 103, tiền đưa ông T đi khám mắt, đi làm răng giả: 1.000.000 đồng x 9 lần = 9.000.000 đồng.

- Tiền ăn của ông T và người nuôi dưỡng ông T trong 04 tháng: 24.000.000 đồng

- Tiền mua sữa cho ông T uống do ông T không ăn thức ăn trực tiếp mà phải dùng xông trong 1 tháng rưỡi và tiền mua sữa cho ông T bồi dưỡng sức khỏe: 21.000.000 đồng.

- Tiền viện phí tại bệnh viện đa khoa huyện LT1: 192.000 đồng

- Tiền viện phí tại bệnh viện y học cổ truyền tỉnh BN: 9.087.000 đồng.

- Tiền viện phí tại bệnh viện Đại học Y Hà Nội: 7.980.000 đồng

- Tiền viện phí tại Bệnh viện Mắt Trung ương: 100.000 đồng.

- Tiền viện phí tại Bệnh viện Trung ương quân đội 108: 31.228.000 đồng.

- Tiền nuôi não ở Bệnh viện Quân y 103: 8.000.000 đồng.

- Tiền thuốc theo hóa đơn: 30.365.000 đồng.

- Tiền chi phí đưa ông T đi giám định hai lần theo yêu cầu của Cơ quan Công an huyện LT1: 15.000.000 đồng.

- Tiền khám mắt tại bệnh viện mắt HITEC, Hà Nội: 5.000.000 đồng.

- Tiền làm răng giả: 10.000.000 đồng.

- Thu nhập hàng ngày của ông T: 400.000 đồng/1 ngày, ông T làm nghề thợ mộc, làm trung bình 25 ngày/1 tháng = 10.000.000 đồng/1 tháng. Ông T phải nằm viện điều trị trong 4 tháng = 40.000.000 đồng.

- Thu nhập hàng ngày của bà Nguyễn Thị Tuyền là vợ ông T (người trực tiếp chăm sóc ông T: 200.000 đồng/1 ngày, bà Tuyền làm phụ bếp cho nhà hàng Ngọc

Lâm, địa chỉ ở TT, huyện LT1 bà Tuyền làm đủ 30 ngày/ 1 tháng = 6.000.000 đồng/1 tháng x 4 tháng = 24.000.000 đồng.

Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất về tinh thần.

Ngày 19/11/2019, anh Phạm Thuận T1 là cháu bị cáo C đã tự nguyện bồi thường cho gia đình ông T 7.000.000 đồng. Gia đình ông T yêu cầu bị cáo C phải bồi thường số tiền còn lại là 229.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 54/CT- VKS –LT ngày 17 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LT1 đã truy tố Phạm Thuận C về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Bị hại là ông Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo Phạm Thuận C đúng quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự, đề nghị bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 229.000.000 đồng. Về vật chứng, ông T xác định gia đình đã nhận lại chiếc mô tô Dream nhãn hiệu Honda BKS: 99K1-212.55; đối với chiếc quần dài màu ghi xám mà Cơ quan Công an đã thu giữ của ông để phục vụ giám định, do đã cũ không còn giá trị sử dụng nên ông đề nghị tiêu hủy, ông đề nghị được nhận lại chiếc điện thoại cơ quan Công an thu giữ của ông.

Bị cáo C xác định có viết thư tác động cháu bị cáo là anh Phạm Thuận T1 bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại và nhất trí với yêu cầu bồi thường của bị hại, đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 229.000.000 đồng. Nhưng do bị cáo và vợ đã ly hôn, tài sản không có gì, hiện tại đang bị giam nên sau khi chấp hành án xong bị cáo sẽ bồi thường cho bị hại số tiền trên.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Thuận T1 xác định số tiền 7.000.000 đồng anh bồi thường cho gia đình bị hại, anh không yêu cầu bị cáo phải trả lại anh số tiền trên. Bà Lương Thị T xác định bà không liên quan gì đến hành vi cố ý gây thương tích của C đối với ông T, bà không gọi điện kích động C đến đánh ông T nên bà đề nghị được nhận lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 đã thu giữ của bà. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn N vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt anh xác định không liên quan gì đến hành vi cố ý gây thương tích của C, nội dung bà T dùng điện thoại của anh để gọi zalo cho C

anh không nắm được nên anh đề nghị được nhận lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphon 5 mà Công an đã thu giữ của anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT1 giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào nhân T và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Phạm Thuận C phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”; Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; Điểm b,s,x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phạm Thuận C từ 09 đến 10 năm tù.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô hiệu Viva BKS 23H2-9879 (không gương chiếu hậu, yếm bên trái bị vỡ, mặt chỉ số công tơ mét bị vỡ, chiếu hậu bị vỡ, có chìa khóa kèm theo) thu giữ của C

Trả lại Phạm Thuận C 01 điện thoại Samsung Galaxy J6 màu bạc đã cũ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại ông Nguyễn Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A37f màu hồng đã qua sử dụng.

Trả lại bà Lương Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng. Trả lại anh Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu đen đã qua sử dụng.

Tịch thu, tiêu hủy: ½ viên gạch đặc, 01 chiếc khăn dính máu, 01 quần dài bằng vải màu đen đã cũ, 01 áo sơ mi dài tay màu tím than đã cũ, 01 áo ba lỗ màu trắng đã cũ, 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen đã cũ, 01 đôi dép da màu nâu đã cũ, 01 đôi dép cao su màu đen đã cũ thu giữ của C và 01 chiếc quần dài màu ghi xám đã cũ thu giữ của ông T.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357; 584; 585; 590 của Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và bị hại: Buộc Phạm Thuận C phải bồi thường toàn bộ các khoản chi phí hợp lý do sức khỏe bị xâm phạm sau khi đã trừ đi số tiền mà gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại. Tổng cộng là: 229.000.000đ (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi chín triệu đồng chẵn).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Thuần T1 không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 7.000.000 đồng anh đã bồi thường cho gia đình bị hại nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội : Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo C nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh; về hình phạt: bị cáo cho rằng Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt từ 9 đến 10 năm tù là quá nặng vì bị cáo không cố ý làm ông T thương tích nặng như thế, không có ý thức giết người; về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác bị cáo nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên, không tranh luận gì thêm.

Ông T nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo và giữ nguyên yêu cầu bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng.

Anh T1 và bà T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không tranh luận gì.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận với bị cáo: Bị cáo là người đủ khả năng nhận thức, bản T biết rõ ½ viên gạch đặc là hung khí có tính nguy hiểm cao nhưng bị cáo vẫn cố tình dùng để gây thương tích cho người bị hại. Như vậy bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Nhưng do trời tối, bị cáo không nhìn rõ các vị trí trên người bị hại, bị cáo chỉ ném về phía người bị hại mà không nhằm vào vị trí cụ thể nào trên người bị hại, mục đích ném nhằm cảnh cáo, đe dọa người bị hại, không nhằm tước đi tính mạng người bị hại nên bị cáo mới bị truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” mà không phải tội “Giết người”. Bị cáo bị truy tố về tội phạm rất nghiêm trọng, có khung hình phạt từ 07 năm đến 14 năm. Căn cứ vào tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Viện kiểm sát giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị.

Bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin lỗi bị hại và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thuần C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng đã thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ việc ghen tuông tình cảm giữa Phạm Thuần C và ông Nguyễn Văn T nên khoảng 22 giờ 45 phút ngày 26/7/2019, tại khu vực trước cửa nhà văn hóa thôn KT, xã LT, huyện LT1 Phạm Thuần C đã có hành vi dùng $\frac{1}{2}$ viên gạch đặc là hung khí nguy hiểm ném vào vùng mặt và thái dương trái ông T. Hậu quả làm ông T vỡ xương sọ, tổn thương não, tổn thương dây thần kinh bên trái làm mù mắt trái. Tổng tỷ lệ thương tật là 81%. Do đó đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Thuần C phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị truy tố, xét xử bị cáo theo điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và hoàn toàn nhận thức được việc dùng $\frac{1}{2}$ viên gạch đặc là hung khí nguy hiểm ném về phía ông T khi ông T đang dừng xe trong khoảng cách rất gần nhằm mục đích gây thương tích cho ông T, sau đó bị cáo lại bỏ mặc cho hậu quả xảy ra đối với bị hại rồi phóng xe bỏ chạy là vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Mặc dù bị cáo cho rằng mình không có mục đích gây thương tích nặng cho ông T mà chỉ đe dọa, ngăn cản không cho ông T xuống nhà bà T nữa nhưng tại phiên tòa bị cáo cũng đã thừa nhận việc bị cáo dùng gạch ném ông T trong khoảng cách rất gần là nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của ông T. Cho đến hiện tại mặc dù đã được điều trị tích cực nhưng sức khỏe của ông T vẫn chưa được hồi phục, hai mắt gần như không còn nhìn thấy gì, thính lực giảm, không còn khả năng lao động. Hành vi của bị cáo gây mất an ninh trật tự tại địa phương, bức xúc cho dư luận trong quần chúng nhân dân. Xét thấy, cần phải xử lý nghiêm khắc bị cáo bằng luật hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để làm bài học giáo dục

cho bị cáo và để răn đe cho những kẻ coi thường sức khỏe, tính mạng của người khác.

Xem xét nhân T và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo là người có nhân T tốt, bị cáo là con liệt sỹ, bị cáo có thời gian tham gia quân ngũ, sau khi xuất ngũ bị cáo tham gia hội cựu chiến binh tại địa phương và được nhận Huy chương cựu chiến binh Việt N. Sau khi nhận thức được hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện LT1 đầu thú nhưng bị cáo chỉ đầu thú sau khi biết được có Camera giám sát tại thôn KT ghi lại hình ảnh diễn biến sự việc bị cáo tìm gạch, chõ và đuổi theo ông T nên mức độ giảm nhẹ ít hơn. Bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, tuy nhiên giá trị bồi thường là rất nhỏ so với thiệt hại của bị hại nên mức độ giảm nhẹ cũng được xác định là ít hơn. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s,x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 xe mô tô hiệu Viva BKS 23H2-9879 (không gương chiếu hậu, yếm bên trái bị vỡ, mặt chỉ số công tơ mét bị vỡ, chiếu hậu bị vỡ, có chìa khóa kèm theo) thu giữ của C, xác chiếc xe mô tô trên không có giấy tờ hợp pháp, C không chứng minh được mình mua xe của ai nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Đối với 01 điện thoại Samsung Galaxy J6 màu bạc đã cũ thu giữ của C, quá trình điều tra và tại phiên tòa không có căn cứ chứng minh bị cáo dùng chiếc điện thoại trên để gọi điện cho T thông báo, thỏa thuận về việc gây thương tích ông T. Bị cáo cũng không dùng chiếc điện thoại trên để gọi cho ai khác đến cùng tham gia gây thương tích cho ông T nên được xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, do vậy cần trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A37f màu hồng đã qua sử dụng thu giữ của ông T, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho ông T là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng thu giữ của bà Lương Thị T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon 5 màu đen đã qua sử dụng thu giữ của anh Nguyễn Văn N. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, thông qua xét hỏi và tranh luận xác định bà T và anh N không liên quan gì đến hành vi cố ý gây thương tích của C đối với ông T, bà T không gọi điện kích động C đến đánh ông T, anh N không nắm được nội dung bà T dùng điện thoại của anh để gọi zalo cho C làm gì nên cần trả lại cho bà T và anh N 02 chiếc điện thoại trên.

Đối với ½ viên gạch đặc là công cụ gây án, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy; 01 chiếc khăn dính máu thu tại hiện trường, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy; 01 quần dài bằng vải màu đen đã cũ, 01 áo sơ mi dài tay màu tím than đã cũ, 01 áo ba lỗ màu trắng đã cũ, 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen đã cũ, 01 đôi dép da màu nâu đã cũ, 01 đôi dép cao su màu đen đã cũ thu giữ của C và 01 chiếc quần dài màu ghi xám đã cũ thu giữ của ông T là tài sản riêng của bị cáo cần tuyên trả lại C và ông T. Tuy nhiên cả bị cáo và bị hại đều xác định số tài sản trên đều đã cũ, không còn giá trị sử dụng và đề nghị không nhận lại những tài sản trên nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô Dream nhãn hiệu Honda BKS: 99K1 - 212.55 thu giữ để phục vụ công tác giám định. Sau khi giám định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện LT1 đã trả lại cho gia đình ông T là phù hợp.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn T1 hành trích bị cáo thực nghiệm điều tra, kết quả thực nghiệm điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo. Ngoài ra Cơ quan điều tra Công an huyện còn T1 hành trích sao hình ảnh của 06 chiếc camera được lắp đặt tại 06 hộ dân trên trục đường từ khu vực đình thôn KT đến nhà văn hóa thôn KT. Sau khi được xem lại dữ liệu hình ảnh, C đã khẳng định đó chính là mình. Dữ liệu hình ảnh đã được chuyển hóa vào 06 chiếc USB được niêm phong và lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại là ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ các khoản chi phí hợp lý do sức khỏe bị xâm phạm sau khi trừ đi số tiền gia đình bị cáo

đã bồi thường, tổng cộng là 229.000.000 đồng. Bị cáo nhất trí với yêu cầu của bị hại nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Thuần T1 không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 7.000.000 đồng anh đã bồi thường cho gia đình bị hại nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải trả tiền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thuần C phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; Điểm b,s,x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phạm Thuần C 9 năm 6 tháng (*chín năm sáu tháng*) tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 29/7/2019.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hiệu Viva BKS 23H2-9879 (không gương chiếu hậu, yếm bên trái bị vỡ, mặt chỉ số công tơ mét bị vỡ, chiếu hậu bị vỡ, có chìa khóa kèm theo);

Trả lại Phạm Thuần C 01 điện thoại Samsung Galaxy J6 màu bạc đã cũ, đã qua sử dụng, bật không lên nguồn, máy móc bên trong không kiểm tra. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại ông Nguyễn Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A37f màu hồng đã qua sử dụng, bật không lên nguồn, máy móc bên trong không kiểm tra.

Trả lại bà Lương Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng, bật không lên nguồn, máy móc bên trong không kiểm tra.

Trả lại anh Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon 5 màu đen đã qua sử dụng, bật không lên nguồn, máy móc bên trong không kiểm tra.

Tịch thu, tiêu hủy: ½ viên gạch đặc, 01 chiếc khăn dính máu, 01 quần dài bằng vải màu đen đã cũ, 01 áo sơ mi dài tay màu tím than đã cũ, 01 áo ba lỗ màu trắng đã cũ, 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen đã cũ, 01 đôi dép da màu nâu đã cũ, 01 đôi dép cao su màu đen đã cũ 01 chiếc quần dài màu ghi xám đã cũ.

Toàn bộ vật chứng nêu trên được mô tả theo đúng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LT1.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357; 584; 585; 590 của Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và bị hại: Buộc Phạm Thuận C phải bồi thường toàn bộ các khoản chi phí hợp lý do sức khỏe bị xâm phạm sau khi đã trừ đi số tiền mà gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại. Tổng cộng là: 229.000.000đ (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi chín triệu đồng chẵn).

Ghi nhận anh Phạm Thuận T1 không yêu cầu bị cáo hoàn trả anh số tiền 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội : Buộc bị cáo Phạm Thuận C phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 11.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện LT1;
- VKSND tỉnh BN;
- THA huyện LT1 (khi án có hiệu lực);
- TAND tỉnh BN (Phòng GĐKT);
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoan